

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-BKHĐT ngày 07/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) về việc ban hành hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 62 /NQ-UBND ngày 28 / 01 /2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thông qua dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 360/STC-TH&QLNS ngày 15/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính (là cơ quan đầu mối) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Phòng TH; TTCN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT NN 10b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH 



Trương Công Thái

KẾ HOẠCH

Hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(kèm theo Quyết định số...~~358~~.../QĐ-UBND ngày ~~28~~ tháng 01 năm 2026
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt các quan điểm, định hướng chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

- Cụ thể hoá các mục tiêu, nội dung triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần I nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và gắn với việc thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 31/12/2023, Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh phải phù hợp với Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần triển khai thực hiện, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; đảm bảo đồng bộ, liên ngành, liên vùng, cân bằng giữa yêu cầu trước mắt và lâu dài, có trọng tâm theo thứ tự ưu tiên gắn với nguồn lực rõ ràng và có thể linh hoạt điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tăng trưởng xanh tới các cấp, các ngành, người dân. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, báo cáo đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh; đồng thời, phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để Đắk Lắk phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; với trọng tâm là đẩy mạnh khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao hiệu suất, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên; tập trung đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng theo hướng xanh, thân thiện với môi trường góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng hướng đến nền kinh tế cacbon thấp, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính; thực hiện lối sống xanh, phát triển đô thị và nông thôn theo hướng xanh, thông minh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội. Đồng thời, nghiên cứu tạo ra các tiềm năng mới, động lực mới, cơ hội mới để thu hút tối đa các nguồn lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về giảm cường độ phát thải khí nhà kính (KNK)

- Góp phần thực hiện mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP của cả nước ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về “0” vào năm 2050.

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh nằm trong giới hạn tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia (giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường) nếu có thêm sự hỗ trợ của quốc gia, quốc tế và huy động được đầu tư từ các thành phần kinh tế để triển khai thành công các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở sản xuất có phát thải khí nhà kính thực hiện xây dựng kế hoạch, lộ trình cải thiện công nghệ phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

Các cơ sở sản xuất phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 3.000 tấn CO₂ tương đương trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp có mức tổng lượng tiêu thụ năng lượng, nhiên liệu hàng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương trở lên và cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hàng năm từ 65.000 tấn trở lên.

2.2. Mục tiêu về xanh hóa sản xuất

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Mục tiêu đến năm 2030: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GRDP bình

quân giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm. Tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20%. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng phương án tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Ưu tiên phát triển hợp lý nguồn điện trên địa bàn tỉnh tại các vị trí có tiềm năng; tập trung thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, điện sinh khối không gây phát thải khí nhà kính; điện khí) và năng lượng mới.

Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

Tỷ lệ che phủ rừng phấn đấu đạt từ 42% trở lên; tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước đạt trên 86%; tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

2.3. Mục tiêu về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Xây dựng lối sống xanh kết hợp với nếp sống đẹp truyền thống để tạo nên đời sống chất lượng cao hòa hợp với thiên nhiên. Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững; tạo lập văn hóa tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới.

Đến năm 2030: Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 98%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom chiếm 10%; tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm công đạt ít nhất 35%; ít nhất 10 đô thị phê duyệt và thực hiện Đề án tổng thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh theo hướng đô thị thông minh bền vững.

Riêng đối với các chỉ tiêu: tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng sạch so với tổng số xe buýt đang hoạt động và số lượng xe buýt mới tại các đô thị thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch, văn bản, hướng dẫn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành.

2.4. Mục tiêu về bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu trong quá trình chuyển đổi xanh

Nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh.

Đến năm 2030: Phấn đấu Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,75; Xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế đạt ít nhất 70%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa của giảm phát thải khí nhà kính làm thay đổi nhận thức, hành vi sử dụng năng lượng trong sản xuất, tiêu dùng của doanh nghiệp, người dân. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp trong tỉnh về vai trò, trách nhiệm và quyền lợi trong việc thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh của tỉnh. Các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện lồng ghép các nội dung, mục tiêu Tăng trưởng xanh của tỉnh vào các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của từng ngành, từng cơ quan, đơn vị.

2. Thường xuyên rà soát, đánh giá các quy định hiện hành, đề xuất ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của ngành và địa phương. Nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các quy định những biện pháp chế tài phù hợp nhằm thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đảm bảo phù hợp và đồng bộ giữa các loại quy hoạch, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và không gian phát triển mới; kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý và thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất. Chú trọng quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đầu tư xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được phê duyệt.

4. Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng từng bước hiện đại, nâng cao năng lực thích ứng và chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh học, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp cac-bon; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, gắn nông nghiệp với du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, kết nối với công nghiệp chế biến và thị trường; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nâng dần mức đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; đảm bảo tiêu thoát lũ sớm, lũ muộn, bảo vệ sản xuất; chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do lũ chính vụ gây ra.

5. Phát triển nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới hợp lý, phù hợp với tiềm năng địa phương, đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu năng lượng của tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

6. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp du lịch đầu tư xây dựng mô hình khách sạn xanh; sử dụng công nghệ, vật liệu thân thiện với môi trường để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, giảm thiểu nước thải, tiết kiệm điện, nước trong quá trình hoạt động. Phát triển sản phẩm du lịch “xanh”: du lịch sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp nông thôn nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển du lịch. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các điểm tham quan, du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, tham mưu xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

7. Nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tải ưu tiên đầu tư, khai thác vận hành các loại xe buýt, xe taxi tiết kiệm nhiên liệu, xe điện thân thiện môi trường. Phối hợp, chỉ đạo việc ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng như pin năng lượng mặt trời, sử dụng đèn LED vào các hạng mục chiếu sáng, báo hiệu giao thông trong dự án đầu tư và công trình bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

8. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp để tận dụng nguồn nguyên vật liệu đã qua sử dụng, giảm chi phí xử lý, tận dụng tối đa giá trị tài nguyên và hạn chế chất thải, khí thải ra môi trường.

Từng bước phát triển ngành vật liệu xây dựng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, sinh thái.

Phấn đấu 100% các cụm công nghiệp có doanh nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung vào năm 2030.

9. Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

10. Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản gần bờ; khuyến khích đánh bắt xa bờ theo hình thức tổ đội sản xuất, khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua, thị trường tiêu thụ tốt; Gắn khai thác thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc... Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại trong khai thác, bảo quản, chế biến nâng cao giá trị, giảm tổn thất và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

11. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng, phát triển lâm nghiệp xã hội, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; đẩy mạnh trồng rừng sản xuất,

hình thành các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ; tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp. Thực hiện tốt chính sách dịch vụ môi trường rừng, nâng cao ý thức quản lý bảo vệ rừng cho tổ chức và cộng đồng dân cư.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối về Tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh (TTX).

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội lồng ghép TTX và phát triển bền vững. Phối hợp với các Sở, ngành triển khai việc xanh hoá sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động TTX.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương bổ sung, hoàn thiện danh mục chương trình, dự án trong từng giai đoạn cụ thể để triển khai thực hiện; đồng thời, chủ trì tham mưu điều chỉnh Kế hoạch hành động TTX trong trường hợp cần thiết.

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động TTX báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hằng năm và đánh giá 5 năm một lần kể từ khi ban hành Kế hoạch hành động TTX của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan thực hiện các hoạt động để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản. Cụ thể:

- Rà soát phân quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, đất trồng mới rừng sản xuất; đất quy hoạch trồng cây xanh đô thị, đất phát triển trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn... làm cơ sở xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn để tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp tinh theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao với phương châm mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, tạo giống, các loại hình dịch vụ kỹ thuật, chú trọng dịch vụ giống nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững, giảm phát thải nhà kính, cải thiện môi trường, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu.

- Triển khai các hoạt động tái sử dụng, tái chế phụ phẩm, phế thải nông nghiệp. Hỗ trợ đầu tư cho các dự án thí điểm và phổ biến công nghệ xử lý, tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas, phân bón hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản xuất, giảm phát thải ô nhiễm. Xây dựng chính sách khuyến khích tái chế phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong sản xuất ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn.

- Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất ở nông thôn theo chu trình sinh thái; mô hình xử lý tốt chất thải làng nghề.

- Tập trung nguồn lực tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án nâng cấp hệ thống đê điều đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư hệ thống thủy lợi với thiết bị vận hành theo hướng hiện đại đảm bảo điều tiết, cung cấp và bảo vệ tốt nguồn nước. Đầu tư nâng cao hiệu suất các trạm bơm, triệt để tận dụng khả năng sử dụng các hệ thống thủy lợi tự chảy để tiết kiệm năng lượng bơm nước; quản lý tài nguyên nước bền vững.

- Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo (biogas, năng lượng mặt trời...).

- Tham mưu cho UBND tỉnh về các quy định, chính sách bảo vệ môi trường theo các định hướng TTX; tham mưu xây dựng kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện.

- Chủ trì xây dựng danh mục ngành nghề sản xuất, kinh doanh dịch vụ không được phép đầu tư xây dựng mới trong khu dân cư.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan địa phương trong công tác giám sát môi trường nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ môi trường đặc biệt đối với khối công nghiệp.

- Chỉ đạo triển khai các nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước trên quan điểm phát triển bền vững, kế hoạch hành động TTX; kiểm soát ô nhiễm môi trường hiệu quả.

- Thực hiện các biện pháp sử dụng tài nguyên nước hiệu quả theo hướng bền vững. Tham mưu ban hành chính sách quản lý tổng hợp các lưu vực sông, nước ngầm... để bảo vệ tài nguyên đất và nước, phát triển thủy lợi, giữ cân bằng sinh thái.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm phát thải

khí nhà kính trong một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, công sở về ý thức thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường. Tổ chức tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên báo, đài, website; tại các trường học và hộ gia đình trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện chương trình liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong công nghiệp theo quy định và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án của ngành liên quan đến quy hoạch đô thị bền vững, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình xanh; tích hợp lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải, phát triển hạ tầng giao thông bền vững và giao thông công cộng trên địa bàn đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh; phát triển ngành vật liệu xây dựng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Tăng cường tham mưu thu hút đầu tư cải tạo, nâng cấp các hệ thống, mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh, có khả năng chống chịu, ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực vận chuyển hành khách công cộng, phát triển vận tải đa phương thức và có sức cạnh tranh giữa các đơn vị vận tải, cải thiện hệ thống phương tiện và dịch vụ vận tải để đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các loại hình giao thông, sử dụng dịch vụ giao thông công cộng. Tích cực kêu gọi các doanh nghiệp vận tải đầu tư mới thay thế các xe đã hết niên hạn sử dụng, mở thêm các tuyến xe buýt mới trên địa bàn tỉnh và kết nối với các tỉnh lân cận phù hợp quy hoạch, quan tâm phát triển các tuyến xe buýt phục vụ người dân vùng khó khăn nhằm phục vụ nhu cầu của người dân đi lại thuận tiện, an toàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong các hoạt động quản lý chất thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nội vụ

- Phối hợp, có ý kiến với các cơ quan, đơn vị có liên quan về việc lồng ghép một số nội dung kiến thức về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững vào

các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo quy định.

- Gắn kết tăng trưởng kinh tế với đảm bảo sinh xã hội, ưu tiên phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm bền vững, nâng cao thu nhập cho người lao động; chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp cho người lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm của người lao động. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, thu hút các doanh nghiệp tham gia tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động tại sàn giao dịch việc làm.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông; UBND các xã, phường tăng cường công tác thông tin, mở chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng, tần suất tuyên truyền về tăng trưởng xanh đến năm 2030 qua các kênh thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Đẩy mạnh phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch thân thiện với môi trường, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa. Hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch, khách du lịch ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên du lịch, áp dụng các tiêu chí về bảo vệ môi trường, thẩm định và gắn nhãn du lịch bền vững cho các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

7. Sở Y tế

- Thực hiện nâng cao chất lượng công tác quản lý, công tác khám chữa bệnh, sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đã đầu tư; mở rộng xã hội hóa các hoạt động y tế, hợp tác đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ khám, chữa và điều trị; khuyến khích phát triển y tế tư nhân, tăng cường phối hợp công tư.

- Chủ động triển khai công tác y tế dự phòng, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh; thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm, triển khai quyết liệt các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và quản lý nhà nước về sản xuất, lưu thông, cung ứng thuốc chữa bệnh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo tích hợp nội dung tăng trưởng xanh vào hoạt động giáo dục ở các cấp học; nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về vai trò, ý nghĩa và định hướng hoạt động thực hiện tăng trưởng xanh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hỗ trợ đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cho ngành nghề lĩnh vực kinh tế xanh.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai ứng dụng

công nghệ xanh; xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng xanh.

- Tham mưu UBND tỉnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin trên địa bàn; tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất, tiêu dùng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, giảm chi phí quản lý. Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động TTX.

10. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách tăng trưởng xanh trong phạm vi Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên.

- Phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu thực hiện cải thiện môi trường chính sách nhằm hình thành khu công nghiệp sinh thái.

11. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Các sở, ban, ngành, UBND xã phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của từng ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp để xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng xanh của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành, địa phương; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý. Phân công tổ chức thực hiện, xác định cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể. Đề xuất các chương trình, đề án, dự án, hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh.

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh của tỉnh. Kịp thời tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh những giải pháp, biện pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh;

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, người dân về nội dung Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương.

- Tổ chức sơ kết nhằm kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc về các kết quả đạt được, xác định rõ các ưu khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân, trách nhiệm của từng sở, ngành, từng địa phương trong thực hiện tăng trưởng xanh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong phạm vi chức năng và hoạt động của mình để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục kèm theo)

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước của Trung ương và địa phương, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài, bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài (NGO), nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị và các địa phương theo quy định ngân sách nhà nước hiện hành và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác có liên quan.

3. Bố trí kinh phí hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách để triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động; bố trí kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm,... cũng như bố trí kinh phí để tổ chức giám sát quá trình thực hiện, tổ chức thu thập số liệu, xây dựng các báo cáo đánh giá định kỳ hàng năm và báo cáo giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu tăng trưởng xanh. Trên cơ sở theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường định kỳ báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện; gửi báo cáo về Sở Tài chính **trước ngày 30/11 hàng năm** để tổng hợp.

2. Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh; tổng hợp báo cáo của các đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực

hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

9.2	Thu hút đầu tư mới để phát triển các KCN, CCN sinh thái, làng nghề bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn	2026-2030	Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Ban quản lý các Khu kinh tế Phú Yên	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
9.3	Xây dựng và thực hiện quy hoạch chi tiết các KCN theo hướng sinh thái	2026-2030	Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Ban quản lý các Khu kinh tế Phú Yên	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quy hoạch chi tiết 1-3 KCN theo hướng sinh thái được xây dựng và triển khai	
9.4	Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế chính sách về chuyển đổi các KCN, CCN theo hướng sinh thái, góp phần quan trọng cùng cả nước hướng tới mục tiêu PTR0 vào năm 2050	2026-2030	Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Ban quản lý các Khu kinh tế Phú Yên	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Định hướng chuyển đổi các KCN, CCN đã có theo hướng sinh thái được ban hành và triển khai thực hiện	
10	Giao thông vận tải và dịch vụ logistics: Xanh hóa các lĩnh vực giao thông hiện có và mở rộng giao thông xanh trên cơ sở tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện theo hướng xanh, thông minh có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, phát triển giao thông công cộng, dịch vụ					

	logistics					
10.1	Thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch; phát triển công nghiệp sản xuất phương tiện sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường (Cao, Nhóm A, E, D)					
10.1.1	Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai	2026-2030	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
10.1.2	Phát triển giao thông công cộng; ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, khai thác vận tải hành khách công cộng	2026-2030	Sở Xây dựng	UBND xã, phường	Giao thông công cộng đặc biệt là hệ thống vận tải công cộng đô thị có sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện	
10.1.3	Thực hiện các quy định về quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện giao thông vận tải; thu hút đầu tư các bến xe, trạm dừng nghỉ xanh	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các doanh nghiệp liên quan		
10.1.4	Đẩy mạnh phát triển và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải, logistics hướng đến	2026-2030	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Lồng ghép và triển khai thực hiện theo kế	

	mục tiêu tăng trưởng xanh.				hoạch hàng năm của ngành Xây dựng	
10.2	Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh (Cao, Nhóm A, E)					
10.3	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải					
10.3.1	Đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong giao thông vận tải và dịch vụ logistics hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh (Cao; Nhóm A, D)	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch	
10.3.2	Đẩy mạnh xã hội số trong giao thông vận tải. Tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giao thông vận tải đối với đội ngũ chuyên gia và kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngành giao thông vận tải. (Nhóm B, D, E)	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn	
11	Xây dựng: Thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị xanh, thông minh, hạ tầng đô thị có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái (Cao, Nhóm A, B, D)					
11.1	Quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai dựa trên nền tảng công	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		

	nghe số					
11.2	Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường; sử dụng nguyên vật liệu tái chế, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu phát thải KNK và ô nhiễm môi trường	2026-2030	Sở Xây dựng; Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
11.3	Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KHCN trong phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xanh, sử dụng nguyên vật liệu tái chế, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Đề tài, dự án	
11.4	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng hạ tầng xanh, thông minh, có năng lực chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai	2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức liên quan		
11.5	Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng liên quan đến công trình xanh	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Các lớp bồi dưỡng, tập huấn	
12	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử					

	dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; - Xây dựng nông thôn mới có lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; chú trọng quản lý rủi ro thiên tai, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.					
12.1	Phát triển nông nghiệp hiện đại, thuận thiên, xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, cung cấp sản phẩm hữu cơ đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Các chương trình, chính sách	
12.2	Phát triển kinh tế nông nghiệp theo cụm ngành, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, giảm ô nhiễm, đảm bảo an toàn thực phẩm	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
12.3	- Xây dựng nông thôn mới có lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên. Thực hiện đồng bộ các biện pháp, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; chú trọng quản lý rủi ro thiên tai, chống chịu với biến đổi khí hậu, thiên tai và bảo vệ môi trường; - Xây dựng và nhân rộng các mô	2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các sở, ban, ngành liên quan		

	hình sản xuất ở nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát triển các sản phẩm OCOP xanh, du lịch nông thôn bền vững, thân thiện với môi trường.					
12.4	Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
12.5	Phát triển và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực khác và đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
12.6	Đẩy mạnh ứng dụng KHCN thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng xanh, thông minh, tuần hoàn, bền vững, chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai	2026-2030	Sở khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Mô hình ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng xanh, thông minh, tuần hoàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí	

					hậu và thiên tai, đa thiên tai	
13	Quản lý chất thải, chất lượng không khí: Tăng cường công tác quản lý chất thải theo mô hình quản lý tổng hợp, tuần hoàn, coi chất thải là tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; thực hiện các giải pháp quản lý chất lượng không khí hiệu quả (Cao; Nhóm A, B, D)					
13.1	Tiếp tục xây dựng, triển khai, cụ thể hóa các quy định, nhiệm vụ về quản lý chất thải của tỉnh	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
13.2	Triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân (Cao; Nhóm A, B, C, E): - Phối hợp thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch của các địa phương (<i>các chương trình/dự án liên quan đến địa phương</i>). - Thí điểm, nhân rộng các chương	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	- Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức. - Các chương trình, dự án thí điểm và nhân rộng. - Các văn bản quy định và các chương trình, dự án ưu đãi, hỗ trợ tại các địa phương	

	trình, dự án giảm thiểu, thu gom phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt. - Trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai hướng dẫn các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải tại địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.					
13.3	Thực hiện các mô hình thu gom, phân loại rác thải tại nguồn	2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan		
13.4	Đầu tư mới, cải tiến trang thiết bị phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn phù hợp với phân loại chất thải rắn tại nguồn cho các khu dân cư tập trung, khu đô thị, khu vực nông thôn	2026-2030	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan		
13.5	Nghiên cứu và triển khai công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón	2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành, địa phương liên		

	sinh học thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường			quan		
13.5	Triển khai thu hút đầu tư các dự án khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch; thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, thực hiện các chính sách, quy định về thu gom, xử lý chất thải	2026-2030	Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ		
13.6	Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
	Triển khai chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, sản xuất năng lượng... trong cải tiến và đổi mới công nghệ đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí theo quy định	2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
13.7	Thực hiện rà soát, lập danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
14	Kinh tế biển: Thực hiện xanh hóa các ngành hiện có và phát triển các ngành kinh tế biển xanh trên cơ sở đẩy mạnh liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển; phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp					

sinh thái ven biển, các mô hình kinh tế biển xanh; bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng sinh học ven biển (Cao; Nhóm A, C, D)						
14.1	Phát triển liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý các Khu kinh tế Phú Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển được tăng cường. Tỷ trọng đóng góp vào GRDP của kinh tế biển đạt và vượt mức đề ra trong quy hoạch	
14.2	Trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các biện pháp để giảm sản lượng đánh bắt thủy, hải sản xuống mức sản lượng bền vững tối đa, tuân thủ các quy định liên quan đến ... gỡ bỏ thẻ vàng	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản hướng dẫn, Kế hoạch hành động	
14.3	Hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách, hỗ trợ thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo vùng biển: điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, năng lượng sóng biển,...đến các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh	2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		

14.4	Tham mưu triển khai các biện pháp gia tăng vận tải biển quốc tế và nội địa	2026-2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản hướng dẫn, Kế hoạch thực hiện	
15	Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững: Đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng					
15.1	Thúc đẩy các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh; nghiên cứu, triển khai nhãn các-bon, dấu vết các-bon đối với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh của thị trường trong nước và quốc tế					
15.1.1	Triển khai chương trình dán nhãn; nâng cao năng lực xây dựng, hoàn thiện quy trình dán nhãn đối với hàng hóa, sản phẩm (Cao; Nhóm A, D)	2026-2030	Các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
15.1.2	Đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững.	2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	
15.2	Đẩy mạnh mua sắm công xanh, tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu; tập trung đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh; đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh					
16	Du lịch					
16.1	Rà soát, nghiên cứu kiến nghị Trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và bền	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan,		

	vững			đơn vị liên quan		
16.2	Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng biển đảo gắn với phát triển kinh tế biển xanh, du lịch thể thao mạo hiểm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh...), phát triển sản phẩm du lịch xanh	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
17	Y tế					
17.1	Xây dựng nền y tế xanh, thông minh, bền vững	2026-2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
17.1.1	Hình thành nền y tế thông minh (bà nội dung chính: phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh, quản trị y tế thông minh). Tăng cường chuyển đổi số trong ngành y tế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; (Cao; Nhóm A, D, E)	2026-2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan		
17.1.2	Tăng cường năng lực sản xuất, cung cấp và xử lý các sản phẩm chăm sóc sức khỏe cho các công ty sản	2026-2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		

	xuất trong nước đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững (Cao; Nhóm B, E)			và các cơ quan, đơn vị liên quan		
17.2	Thúc đẩy công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo hướng nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí của người dân					
	Trên cơ sở văn bản của cấp có thẩm quyền, triển khai hướng dẫn về xử lý nước sạch thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai chương trình, hoạt động tăng cường khả năng cung cấp nước sạch đối với khu vực chịu ảnh hưởng mạnh bởi biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực của người dân về xử lý nước sạch thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu (Cao; Nhóm A, B, E)	2026-2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản hướng dẫn, Kế hoạch	